

Số: /BC-SYT

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác y tế 6 tháng đầu năm 2026
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Công văn số 4883/UBND-KGVX ngày 11/6/2026 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm 2026 và chuẩn bị nội dung làm việc với lãnh đạo UBND tỉnh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

A. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. HỆ THỐNG TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN LỰC NGÀNH Y TẾ

1. Hệ thống tổ chức bộ máy ngành Y tế

Tiếp tục được kiện toàn, củng cố theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017; Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23/6/2025; Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024; Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026 của Bộ Y tế và các Quyết định của UBND tỉnh, gồm:

1.1. Tuyển tỉnh: 22 đơn vị

- QLNN: Sở Y tế, 01 Chi cục ATVSTP.

- Hệ sự nghiệp Y tế:

+ 04 Bệnh viện với 860 giường bệnh; 04 Trung tâm chuyên khoa tuyển tỉnh (01 khu điều trị Phong 20 giường bệnh thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh); Trường Cao đẳng Y tế; Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp.

+ 10 Trung tâm Y tế (quản lý các phòng, khoa chuyên môn và 07 PKĐKKV, 45 Trạm Y tế và 84 điểm trạm) với 1.372 giường bệnh.

1.2. Tuyển xã: 45/45 xã, phường có Trạm Y tế và 84 điểm trạm.

1.3. Tổng số giường bệnh công lập toàn tỉnh là 2.252 giường bệnh (không bao gồm giường bệnh của Trạm Y tế), đạt 33,2 giường bệnh/vạn dân.

1.4. Tổ chức Đảng

Tính đến ngày 15/6/2026 Đảng bộ Sở Y tế có 23 tổ chức đảng trực thuộc: gồm 10 chi bộ và 13 Đảng bộ bộ phận trực thuộc (có 66 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận) với 1.543 đảng viên. Trong đó:

- + Đảng viên chính thức: 1.501 đảng viên.
- + Đảng viên là nữ: 763 đảng viên.
- + Đảng viên là người dân tộc thiểu số: 557 đảng viên.

2. Về nhân lực y tế

- Tổng số nhân lực toàn tỉnh có 4.083 người, trong đó 878 bác sĩ; 242 dược sĩ đại học và SDH; 957 điều dưỡng; 250 nữ hộ sinh; 193 kỹ thuật viên, còn lại là các đối tượng khác.

- Tỷ lệ Bác sĩ/vạn dân đạt 13,20 bác sĩ; Tỷ lệ Dược sĩ đại học/vạn dân đạt 3,65 Dược sĩ; 100% trạm y tế xã có Bác sĩ làm việc; 112 cô đỡ thôn bản.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ ĐIỀU HÀNH

1. Công tác xây dựng văn bản

Sở Y tế đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế, UBND tỉnh và phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh để chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch năm, giai đoạn, quyết định và các văn bản chỉ đạo thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh. Tính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 10/6/2026, Sở Y tế đã ban hành 4.763 văn bản, cụ thể:

- Các Văn bản trình UBND tỉnh: 839 văn bản, trong đó.
- + Tờ trình đề nghị UBND tỉnh và được phê duyệt: 147 văn bản liên quan đến phạm vi quản lý của Sở Y tế.
- + Các Kế hoạch, thông báo ngành Y tế: 75 văn bản.
- + Các Báo cáo gửi UBND tỉnh: 214 văn bản.
- + Các Văn bản khác: 403 văn bản.
- Sở Y tế đã hoàn thành đúng hạn 44/44 văn bản trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ của UBND.
- Căn cứ các kế hoạch, đề án đã được phê duyệt, ngành đã cụ thể hóa thành các chương trình hành động; đồng thời, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và UBND các xã, phường tổ chức thực hiện hiệu quả công tác quản lý y tế trên địa bàn.

2. Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật

- Sở Y tế đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và các văn bản khác về lĩnh vực y tế. Đồng thời, chủ động xây dựng và ban hành, tổ chức triển khai một số kế hoạch trọng tâm, cụ thể:

+ Kế hoạch số 449/KH-SYT ngày 23/01/2026 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026.

+ Kế hoạch số 1262/KH-SYT ngày 10/3/2026 về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật phòng, chống tham nhũng, năm 2026.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực quản lý của ngành. Tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định và yêu cầu của cơ quan cấp trên.

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Ngành đã chủ động rà soát, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản phù hợp với quy định hiện hành. Cụ thể:

+ Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

+ Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 04/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

+ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 Công bố danh sách người làm công tác xã hội tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tham mưu trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường kỳ giữa năm: Dự thảo Nghị quyết bổ sung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Công tác rà soát văn bản được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị và các chỉ đạo của Bộ Y tế, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh

- Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

Nhân dân; các chỉ đạo của Bộ Y tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Y tế đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết trong toàn ngành và trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở Kế hoạch số 915/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 11-KH/ĐU ngày 06/01/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, Đảng ủy Sở Y tế đã ban hành Kế hoạch số 772-KH/ĐU ngày 25/02/2026; đồng thời Sở Y tế ban hành Kế hoạch số 1127/KH-SYT ngày 04/3/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW trong toàn ngành Y tế, xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Thực hiện Văn bản hợp nhất số 06 ngày 06/02/2026 của Bộ Y tế, ngành Y tế tiếp tục triển khai Kế hoạch số 366/KH-SYT ngày 02/12/2025 về luân phiên cán bộ có thời hạn xuống hỗ trợ chuyên môn tại các Trạm Y tế xã, phường. Việc luân phiên cán bộ nhằm tăng cường nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ bác sĩ từ các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế hỗ trợ tuyến cơ sở; nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, công tác y tế dự phòng, quản lý điều hành tại Trạm Y tế; thực hiện chuyển giao kỹ thuật, đào tạo tại chỗ cho cán bộ y tế cơ sở, góp phần giảm chuyển tuyến không cần thiết, giảm quá tải cho tuyến trên và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Trong 06 tháng đầu năm 2026, toàn ngành đã thực hiện 890 lượt cán bộ luân phiên xuống hỗ trợ Trạm Y tế các xã, phường (trong đó có 146 lượt cán bộ thuộc các bệnh viện và trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh; 744 lượt cán bộ thuộc các Trung tâm Y tế), góp phần thực hiện mục tiêu duy trì khoảng 1.000 lượt cán bộ luân phiên hỗ trợ tuyến cơ sở hằng năm.

- Cùng với việc tăng cường năng lực y tế cơ sở, Sở Y tế đã chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện khám bệnh, chữa bệnh và tư vấn sức khỏe miễn phí cho Nhân dân theo tinh thần Nghị quyết số 72-NQ/TW, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Trong đó, tiếp tục thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho các nhóm đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời tổ chức khám, tư vấn sức khỏe miễn phí cho các đối tượng còn lại vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật hằng tuần kể từ ngày 25/4/2026 và duy trì thường xuyên hằng tháng. Kết quả, từ ngày 25/4/2026 đến ngày 10/6/2026, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã khám bệnh, chữa bệnh và tư vấn sức khỏe miễn phí cho 166.938/678.109 người, đạt 24,6% dân số toàn tỉnh.

- Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo các Trung tâm Y tế, Trạm Y tế xã, phường rà soát điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị y tế để triển khai mô hình tổ chức y tế theo định hướng đổi mới của Nghị quyết số 72-NQ/TW, trong đó thực hiện Đề án chuyển Trạm Y tế xã, phường về UBND cấp xã quản lý; giải thể 07

Phòng khám đa khoa khu vực; chuyển các nhiệm vụ về y tế dự phòng, dân số và truyền thông giáo dục sức khỏe về Trạm Y tế xã, phường thực hiện; đổi tên các Trung tâm Y tế thành Bệnh viện Đa khoa khu vực trực thuộc Sở Y tế sau khi được UBND tỉnh ban hành quyết định. Đồng thời, Sở Y tế chỉ đạo các phòng chức năng và đơn vị trực thuộc phối hợp xây dựng Đề án phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên đạt cấp chuyên sâu và phát triển chuyên khoa lão khoa đến năm 2030; Đề án xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP).

III. CUNG ỨNG DỊCH VỤ

1. Tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch trên địa bàn

1.1. Tình hình dịch bệnh

Tính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 12/6/2026 trên địa bàn toàn tỉnh ghi nhận 06 ổ dịch với 132 ca mắc và nghi mắc/0 tử vong (tăng 04 ổ dịch và giảm 228 ca mắc so với cùng kỳ). Trong đó: 04 ổ dịch Sởi với 75 ca mắc và nghi mắc (01 ổ dịch tại xã Chiềng Sinh với 31 ca mắc và nghi mắc; 01 ổ dịch tại Trường PTDTBT THCS Pu Nhi xã Pu Nhi với 15 ca mắc và nghi mắc; 01 ổ dịch tại xã Mường Luân với 20 ca mắc và nghi mắc; 01 ổ dịch tại xã Xa Dung với 09 ca mắc và nghi mắc); 01 ổ dịch Quai bị với 29 ca mắc tại điểm trường Tiểu học - Trường PTDTBT TH&THCS Mường Luân xã Mường Luân; 01 ổ dịch Thủy đậu với 28 ca mắc tại xã Xa Dung.

1.2. Công tác phòng, chống dịch

Triển khai thực hiện nghiêm túc, chủ động, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch trên địa bàn theo Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm ở người năm 2026 của Bộ Y tế và UBND tỉnh, bao gồm:

- Tăng cường giám sát các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh truyền nhiễm gây dịch khác, đặc biệt là các bệnh lây qua đường tiêu hóa và các dịch bệnh theo mùa.

- Duy trì hoạt động của đội cơ động chống dịch.

- Chuẩn bị đủ thuốc, hóa chất, vật tư để chủ động đối phó với dịch, nhất là khi có tình huống khẩn cấp.

- Thành lập các khu điều trị cách ly, thu dung điều trị bệnh nhân, hạn chế mức độ lây lan và tử vong do dịch bệnh.

- Báo cáo kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

- Tăng cường công tác truyền thông bằng nhiều hình thức giúp người dân hiểu và chủ động tham gia phòng, chống dịch bệnh.

1.3. Tình hình mắc các bệnh truyền nhiễm gây dịch: Trong 6 tháng đầu năm 2026, hầu hết số ca mắc đều giảm so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, một số bệnh có ca mắc tăng so với cùng kỳ năm 2025, như: Viêm não vi rút, quai bị...

2. Quản lý môi trường y tế và xử lý chất thải y tế

- Quan tâm chỉ đạo công tác đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

- Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

+ Chất thải y tế rắn: Hiện có 03/04 bệnh viện tuyến tỉnh (trừ bệnh viện Tâm thần) có lò đốt chất thải y tế, hiện có 01/03 đơn vị (Bệnh viện Đa khoa tỉnh) còn lò đốt đang hoạt động tốt, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng lò đốt đã hỏng không sử dụng được. Tại các Trung tâm Y tế có 09 lò đốt chất thải y tế đảm bảo tiêu chuẩn và đang hoạt động tốt. 100% các cơ sở y tế tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế có phát sinh chất thải rắn được phân loại, thu gom và xử lý; 45 trạm y tế và 74 điểm trạm tại các xã và 07 phòng khám ĐKKV có phát sinh chất thải rắn y tế nguy hại trong quá trình thực hiện khám bệnh, chữa bệnh. Chất thải y tế đều được phân loại, thu gom theo đúng quy định, được xử lý bằng lò đốt rác thải thủ công và bể bê tông chôn lấp vật sắc nhọn, tro xỉ.¹

+ Chất thải y tế dạng lỏng: 100% các cơ sở KCB tuyến tỉnh và các Trung tâm Y tế có hệ thống xử lý chất thải lỏng đảm bảo quy định; 71,4% (5/7) PKĐKKV có hệ thống xử lý chất thải lỏng đảm bảo quy định; có 45/45 trạm y tế và 74/84 điểm trạm tại các xã thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; có 28 trạm y tế và 49 điểm trạm đã và đang được đầu tư hệ thống xử lý chất thải lỏng theo quy định.

- Đối với các cơ sở y tế ngoài công lập: Trên địa bàn tỉnh hiện có 167/184 phòng khám tư nhân có phát sinh chất thải y tế; 100% phòng khám này đã thực hiện thuê các đơn vị có lò đốt để xử lý chất thải rắn y tế, còn chất thải lỏng đã thực hiện xử lý ban đầu bằng hóa chất sát khuẩn trước khi xả thải vào cống thoát chung.

3. Công tác PCCC tại các cơ sở y tế

100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành Y tế được quán triệt, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ; 100% các đơn vị có quy định về đảm bảo an toàn PCCC, niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc, tiêu lệnh chữa cháy ở những nơi cần thiết và được trang bị các phương tiện chữa cháy như bình bọt chữa cháy, xô, chậu, bể nước dự trữ...

4. Các hoạt động y tế trên địa bàn

Ngành đã triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực y tế; qua đó các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế - dân số cơ bản đạt tiến độ kế hoạch, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Kết quả ước thực hiện một số chỉ tiêu thuộc lĩnh vực y tế trong phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

¹ Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế Tuần Giáo và Trung tâm Y tế Điện Biên Phủ còn có hệ thống xử lý chất thải rắn bằng công nghệ nghiền, cắt và hấp tiệt trùng đang hoạt động tốt.

- Tỷ lệ mắc Lao (mới) 13,1/100.000 dân; Tỷ lệ mắc Lao trong cộng đồng 35,90/100.000 dân, giảm 2,5/100.000 dân so với cùng kỳ; Tỷ lệ người DTTS mắc Lao 32,20/100.000 dân, giảm 2,8/100.000 dân người DTTS so với cùng kỳ.

- Không phát hiện bệnh nhân Phong mới.

- Không có bệnh nhân mắc Sốt rét.

- Tỷ lệ mắc bệnh Tâm thần 316,9/100.000 dân.

- Tỷ lệ dân số dùng muối Iốt và các chế phẩm có chứa i ốt đạt 100%.

- Công tác Tiêm chủng mở rộng:

+ Tỷ lệ TE dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 48,0% (tăng 4,2% so với cùng kỳ).

+ Tỷ lệ trẻ 18 tháng tiêm vắc xin Sởi mũi 2 là 49,0% và DPT mũi 4 là 49,4%.

+ Tỷ lệ trẻ em từ 1-5 tuổi tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản B mũi 3 là 48,0% (tăng 5,4% so với cùng kỳ). Tỷ lệ tiêm phòng UV2(+) cho phụ nữ có thai đạt 46,4% tăng 9,2% so với cùng kỳ).

- Công tác Dân số và Trẻ em: Duy trì việc đưa các tin, bài, ảnh về công tác Dân số và trẻ em qua các phương tiện thông tin đại chúng, Báo Điện Biên Phủ, cuốn Thông tin Y tế, trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội Zalo, Facebook của hệ thống Dân số... Kết quả:

+ Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các BPTT chung đạt 66,4% (tăng 0,2% so với cùng kỳ); tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các BPTT hiện đại đạt 42,1% (tăng 0,1% so với cùng kỳ).

+ Tỷ lệ PN đẻ được khám thai 4 lần/3 kỳ 80,6% (tăng 1,5% so với cùng kỳ); tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 4 lần trong kỳ mang thai 80,4% (tăng 1,5% so với cùng kỳ).

+ Tỷ lệ PN đẻ tại cơ sở y tế 70,9% (tăng 2,2% so với cùng kỳ); Tỷ lệ PN đẻ là người DTTS được cán bộ y tế có kỹ năng đỡ 77,5% (tăng 4,1% so với cùng kỳ); Tỷ lệ bà mẹ được NVYT chăm sóc tuần đầu sau sinh 75,7%.

+ Không có ca chết mẹ (Cùng kỳ có 05 ca chết mẹ).

+ Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 14,2‰ (giảm 1,3‰ so với cùng kỳ) và dưới 5 tuổi 17,7‰ (giảm 2,5‰ so với cùng kỳ) trong đó: Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi 15,1‰ (giảm 1,4‰ so với cùng kỳ) và dưới 5 tuổi 18,8‰ (giảm 2,7‰ so với cùng kỳ).

+ Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thành công Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2026; phát động ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em năm 2026 tính đến ngày 16/6/2026 đã có 300 đơn vị, tổ chức, cá nhân ủng hộ với số tiền là 1.018.038.000 đồng.

+ Trong 06 tháng đầu năm đã tiếp nhận và xử lý 05/05 vụ việc được phản ánh qua tổng đài 111. Các thông tin phản ánh đều được UBND các xã, phường xác minh, xử lý kịp thời.

+ Phối hợp với phòng PC01, PC02, PA09 Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cử cán bộ làm người đại diện và người làm công tác xã hội (theo Luật Tư pháp người chưa thành niên) cho trên 10 lượt người phạm tội dưới 18 tuổi, với 09 vụ.

+ Phối hợp với Tổ chức Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam tài trợ: Tổ chức Hội thảo thăm các mô hình, hướng dẫn thực hiện về bảo vệ trẻ em của 19 xã Dự án trên địa bàn tỉnh; tổ chức 06 lớp tập huấn với nội dung thực hiện cơ chế báo cáo, chuyển tuyến về xâm hại, nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cho ban ngành, đoàn thể cấp xã, giáo viên, trưởng thôn, bản các xã: Na Sang, Na Son, Mường Ảng, Tuần Giáo, Tủa Chùa.

- Công tác An toàn vệ sinh thực phẩm: Đã tăng cường công tác truyền thông và kiểm tra, giám sát về VSATTP tại các cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm, kinh doanh và dịch vụ ăn uống trên địa bàn, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ, Lễ hội Xuân, Lễ hội Hoa Anh Đào, Lễ hội Hoa Ban, Tháng hành động vì ATTP và các lễ hội khác của tỉnh.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh thành lập 107 đoàn kiểm tra về an toàn thực phẩm (Trong đó: Tuyển tỉnh 03 đoàn, tuyển xã, phường 104 đoàn). Thực hiện kiểm tra đối với 1.985 cơ sở. Trong đó: 1.977 cơ sở đạt yêu cầu (chiếm 99,6%); 08 cơ sở không đạt yêu cầu (chiếm 0,4%). Hình thức xử lý: Phạt tiền 08 cơ sở với số tiền 11.732.000 đồng.

+ Tại các tuyến thực hiện giám sát đối với 1.014 cơ sở thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Trong đó, 1.010 cơ sở thực phẩm đạt yêu cầu (chiếm 99,6%); 04 cơ sở không đạt yêu cầu (chiếm 0,6%). Hình thức xử lý: Nhắc nhở, tuyên truyền các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

+ Thực hiện việc kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đủ điều kiện trên địa bàn toàn tỉnh. Lũy tích cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc ký cam kết đảm bảo ATTP thuộc ngành Y tế quản lý trên địa bàn toàn tỉnh là 2.074/2.131 (chiếm 97,3%).

- Trong 6 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh không ghi nhận các ca, vụ ngộ độc thực phẩm.

- Công tác phòng, chống HIV/AIDS: Tình hình nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh, tính đến 31/5/2026, có 44/45 xã, phường có người nhiễm HIV. Lũy tích toàn tỉnh có 7.885 ca nhiễm HIV, trong đó: có 18 ca mắc mới; Số chuyển AIDS lũy tích 5.436 ca (không có ca AIDS mắc mới); số tử vong lũy tích 4.263 ca, trong đó: tử vong mới 23 ca; số còn sống quản lý được 3.405 ca đạt 94% người nhiễm HIV trên địa bàn. Tỷ lệ nhiễm HIV còn sống/dân số 0,51%.

Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone, tính đến ngày 13/6/2026, đang điều trị và cấp phát thuốc thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại 19 cơ sở điều trị và 24 cơ sở cấp phát cho 1.955 bệnh nhân.

- Công tác Vệ sinh môi trường nông thôn: Tỷ lệ HGD ở nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh 75,7% (tăng 1,9% so với cùng kỳ); Tỷ lệ hộ gia đình DTTS sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh 69,5% (tăng 1,8% so với cùng kỳ).

5. Công tác khám, chữa bệnh

- Tổ chức thực hiện tốt công tác thường trực, cấp cứu tại các cơ sở y tế, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán; bảo đảm trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu và điều trị kịp thời cho người bệnh. Chủ động dự trữ đầy đủ thuốc, máu, dịch truyền và các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác cấp cứu, khám chữa bệnh. Công tác khám bệnh, chữa bệnh (ngoại trú, nội trú), kê đơn, điều trị được thực hiện đúng quy định tại các cơ sở khám chữa bệnh trong toàn tỉnh. Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Bảo hiểm y tế; bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách đối với người bệnh và tuân thủ quy trình, thủ tục khám chữa bệnh tại các tuyến; chất lượng khám, chữa bệnh tiếp tục được nâng lên.

- Các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định về quy trình, thủ tục khám chữa bệnh; 12 điều y đức; nâng cao phong cách, thái độ phục vụ người bệnh; tăng cường kỹ năng giao tiếp, quy tắc ứng xử tại các cơ sở y tế. Đồng thời, triển khai thực hiện các quy định về giám định, thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và chuẩn hóa dữ liệu theo Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023; Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế; Quyết định 2010/QĐ - BHYT ngày 19/6/2025 của Bộ Y tế ban hành tạm thời một số danh mục mã dùng chung phục vụ việc gửi dữ liệu chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Tiếp tục tổ chức triển khai Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế. Tổ chức thăm hỏi, động viên người bệnh còn điều trị tại các cơ sở y tế trong dịp Tết Nguyên đán. Triển khai ứng dụng các dịch vụ kỹ thuật cao; đẩy mạnh hợp tác, chuyên giao kỹ thuật thông qua các Đề án như: Bệnh viện vệ tinh, Khám chữa bệnh từ xa, Đề án 1816 của Bộ Y tế; qua đó nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng chẩn đoán và điều trị tại các tuyến.

Kết quả: Ước 6 tháng đầu năm 2026.

+ KCB cho 450.000 lượt BN.

+ Điều trị nội trú 63.000 lượt BN.

+ Ngày điều trị trung bình 5,9 ngày.

+ Ngày sử dụng giường bệnh/tháng 28,0 ngày.

+ Công suất sử dụng giường bệnh đạt 93,0%.

6. Công tác Dược và Mỹ phẩm

- Đảm bảo đủ thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm cho công tác phòng chống dịch, khám chữa bệnh, thực hiện các hoạt động Y tế - Dân số, phòng chống thiên tai thảm họa và đáp ứng nhu cầu phục vụ Nhân dân trong dịp Tết

Nguyễn đán Bính Ngo.

- Thẩm định hồ sơ xét cấp Chứng chỉ hành nghề Dược; Thẩm định cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đề cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho các cơ sở hành nghề dược trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý giá thuốc theo quy định của pháp luật; Nâng cao năng lực hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị tại các bệnh viện, Trung tâm Y tế.

- Quản lý hành nghề Dược ngoài công lập: Hiện có 409 cơ sở hành nghề dược, trong đó: 14 công ty, 90 nhà thuốc, 305 quầy thuốc (các cơ sở hành nghề dược đều đạt các tiêu chuẩn GPs tương ứng tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành), 100% cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.

7. Về bảo hiểm y tế

- Sở Y tế đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện chính sách pháp luật về BHYT trên địa bàn toàn tỉnh. Đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHYT; Thực hiện nghiêm túc về giá dịch vụ y tế theo quy định, việc chuyển tuyến và kết nối, liên thông hệ thống thông tin giám định BHYT tại các cơ sở y tế theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Bảo hiểm xã hội tỉnh, các ngành chức năng liên quan chỉ đạo và kịp thời tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc, trong việc thực hiện chính sách KCB BHYT trên địa bàn.

8. Quản lý và thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị 2026

Năm 2026, tổng kế hoạch vốn được giao là 50.458 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn giao năm 2026 (ngân sách địa phương) là 3.950 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến hết ngày 10/6/2026 đạt 3.773 triệu đồng/3.950 triệu đồng, đạt 96% kế hoạch vốn giao năm 2026. Số vốn còn lại 177 triệu đồng không còn nhu cầu sử dụng do dự án đã hoàn thành và đã trình thẩm định, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, cụ thể như sau:

+ Dự án nâng cấp sửa chữa 04 TYT xã Ngôi Cây, Ấng Nưa, Mường Đăng, Mường Lạn: Luỹ kế giải ngân là 200 triệu đồng/200 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Dự án nâng cấp, sửa chữa 04 TYT xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quài Nưa, Ta Ma: Luỹ kế giải ngân là 61 triệu đồng/200 triệu đồng, đạt 30% kế hoạch vốn giao (Mức vốn 139 triệu đồng còn lại hiện đã hết nhiệm vụ chi).

+ Dự án cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh: Luỹ kế giải ngân là 2.967 triệu đồng/3.000 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch vốn giao.

+ Dự án nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ: Luỹ kế giải ngân là 545 triệu đồng/550 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch vốn giao.

- Vốn kéo dài sang năm 2026 là 46.508 triệu đồng từ Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn được lồng ghép trong Chương

trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sử dụng vốn kéo dài năm 2025 sang năm 2026, đến nay đã giải ngân được 1.980 triệu đồng, đạt 4,2% kế hoạch vốn. Hiện đang tổ chức thi công 03 trạm y tế và tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thiết bị cho 21 trạm y tế; đồng thời trình thẩm định, phê duyệt dự án mua sắm phần thiết bị bổ sung cho 13 trạm y tế thuộc Chương trình được Bộ Y tế phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 331/QĐ-BYT ngày 31/01/2026.

9. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức luôn được quan tâm chú trọng. Trong quý, đã triển khai văn bản thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026, triển khai Quyết định số 374-QĐ/TU ngày 31/12/2025 của Tỉnh uỷ Điện Biên về việc ban hành Quy chế về công tác đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức năm 2026 và triển khai thực hiện theo kế hoạch. Thông báo công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Đã cử 14 lượt cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng (CKI: 03, Đào tạo ngắn hạn: 11); cử 59 cán bộ tham gia dự thi sau đại học (CKII: 04; CKI: 45; Thạc sĩ: 10). Tổ chức tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ 46 lớp gồm 2.423 lượt cán bộ.

10. Công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số

10.1. Cải cách hành chính

Triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính (CCHC) của ngành, đặc biệt là công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC). Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế: 157 thủ tục hành chính, trong đó:

- Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và thực hiện tại Bộ phận một cửa Sở Y tế: 130 thủ tục hành chính (Được: 15, Mỹ phẩm: 06, Đào tạo và nghiên cứu khoa học: 01, Tổ chức: 02, Khám bệnh, chữa bệnh: 23, Y dược cổ truyền: 07, Thi đua, khen thưởng: 01, Y tế dự phòng: 09, Phòng bệnh: 29, An toàn thực phẩm: 12, Thiết bị Y tế: 06, Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 07, Lĩnh vực PCTNXH: 05, Dân số, Bà mẹ - Trẻ em: 05; Lĩnh vực quản lý giá: 02 TTHC).

- Các TTHC không qua Bộ phận một cửa, giải quyết trực tiếp tại các đơn vị trực thuộc: 14 thủ tục (Khám bệnh, chữa bệnh: 01, Dân số, Bà mẹ - Trẻ em: 02, Y tế dự phòng: 07, Bảo hiểm Y tế: 03, Bảo trợ XH: 01).

- Các TTHC thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường: 13 thủ tục (Bảo trợ xã hội: 09, Phòng chống TNXH: 01, Dân số, Bà mẹ - Trẻ em: 03).

- Kết quả giải quyết TTHC: tổng số hồ sơ tiếp nhận 2.649 hồ sơ; đã giải quyết 2.607 hồ sơ, đạt 98,41%; đang giải quyết trong hạn 42 hồ sơ, chiếm 1,59%.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được trang bị đầy đủ, đảm bảo thực hiện tốt theo quy định.

10.2. Ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành đã giúp cho việc triển khai các hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành và thống kê báo cáo được thuận lợi, tiết kiệm ngân sách, góp phần quan trọng trong cải cách thủ tục hành chính.

a) Lĩnh vực quản lý

- 100% cán bộ công chức Văn phòng Sở Y tế sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc, được cấp tài khoản khai thác, sử dụng hòm thư chính thức của tỉnh với tên miền (@dienbien.gov.vn); 100% đơn vị trực thuộc thực hiện triển khai hệ thống quản lý hồ sơ công việc trong chỉ đạo điều hành đến các khoa phòng, trạm y tế xã, phòng khám đa khoa khu vực. 100% đơn vị trong ngành sử dụng phần mềm kế toán MISA, phần mềm quản lý tài sản; 100% các đơn vị trực thuộc tiếp nhận Văn bản chỉ đạo điều hành từ Sở Y tế trên môi trường mạng.

- Quản trị, vận hành khai thác sử dụng phần mềm chuyên ngành đặc thù của ngành Y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Triển khai hệ thống CNTT hiện đại tại bộ phận 1 cửa: Đáp ứng hiệu quả nhu cầu của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Lĩnh vực dự phòng: Thực hiện khai thác các phần mềm chuyên ngành đặc thù phục vụ trong hoạt động chuyên môn. 100% các đơn vị tuyến tỉnh có hệ thống phần mềm chuyên ngành đặc thù.

c) Lĩnh vực khám, chữa bệnh: 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của ngành Y tế đã triển khai phần mềm quản lý bệnh viện (HIS); các hệ thống phần mềm liên quan đến khám chữa bệnh (LIS, RIS/PACS): 100% cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục triển khai khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ CCCD gắn chip, thực hiện nghiêm và đầy đủ việc liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy báo tử.

d) Kinh tế số: Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán và các đơn vị liên quan trên địa bàn để chấp nhận thanh toán thủ tục hành chính, viện phí và phí dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo:

- Tại bộ phận một cửa, các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn sẵn sàng phương tiện phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt cho tối thiểu 3 trong 4 phương thức sau: mã vuông QR (Chuyển khoản/Thanh toán), qua website (Chuyển khoản/Thanh toán), Mobile Money và thẻ (POS); tích hợp sẵn sàng module thanh toán trong phần mềm quản lý bệnh viện, cơ sở y tế.

- Các bệnh viện, cơ sở y tế và các ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán phối hợp, thống nhất mẫu thông tin thanh toán không dùng tiền mặt đối với viện phí và các khoản thu dịch vụ để tạo thuận lợi trong quản lý và thuận tiện để người dân thực hiện thanh toán viện phí.

- Các bệnh viện, cơ sở y tế bố trí đầu mối, nhân lực hướng dẫn, hỗ trợ bệnh nhân và các đối tác liên quan thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán viện phí và các dịch vụ phục vụ bệnh viện, cơ sở y tế; tăng tối đa số lượng và giá trị thanh toán không dùng tiền mặt trong tổng số lượng và giá trị thanh toán của cơ quan đơn vị mình.

e) Triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ

* Thực hiện khám, chữa bệnh BHYT bằng CCCD/ứng dụng VneID

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thông báo công khai cho người bệnh biết và triển khai tiếp đón người bệnh khi đi KCB BHYT bằng CCCD có gắn chip tích hợp mã thẻ BHYT. 141/141 cơ sở khám, chữa bệnh tại các tuyến triển khai thực hiện khám chữa bệnh bằng CCCD gắn chip.

- Tổng số lượt KCB BHYT: 332.587 lượt. Tổng số lượt KCB BHYT thực hiện bằng CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID và định danh cá nhân: 312.649 lượt người. Số thực hiện KCB bằng CCCD gắn chip thành công: 308.546 lượt. Tổng số lượt KCB bằng CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID và định danh cá nhân trên tổng số lượt KCB BHYT trong tháng đạt 312.649/332.587 lượt người, đạt 94,01%.

* Thực hiện liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe tại 14/14 cơ sở khám, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe lái xe. Tổng số lượt khám liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe: 4.785 lượt, trong đó: xe máy: 1.320 lượt; xe ô tô: 3.465 lượt.

* Thực hiện liên thông dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử: Luỹ tích số lượt liên thông giấy chứng sinh: 3.966 lượt, giấy báo tử: 29 lượt.

- Mô hình thanh toán không dùng tiền mặt: Thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại Bệnh viện đa khoa tỉnh. Kết quả như sau:

+ Tổng số lượt người bệnh thanh toán không dùng tiền mặt: 10.639/57.485 lượt người, đạt 18,51%.

+ Tổng số tiền thanh toán không dùng tiền mặt: 3.696/21.582 triệu đồng, đạt 17,13%.

- Mô hình ứng dụng công nghệ số trong khám chữa bệnh (sử dụng CCCD, VNeID, VssID trong khám chữa bệnh):

+ Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng: Thực hiện khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID và định danh cá nhân được 4.173 lượt người, trong đó: Thực hiện thành công 4.173 lượt người, đạt 100%; tỷ lệ khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID và định danh cá nhân trên tổng số lượt khám chữa bệnh BHYT 4.173/4.173 lượt người, đạt 100%.

+ Trung tâm Y tế Thanh An: Thực hiện khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID và định danh cá nhân được 35.996 lượt người, trong đó: thực hiện thành công 35.994 lượt người, đạt 99,99%; tỷ lệ khám chữa

bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID và định danh cá nhân trên tổng số lượt khám chữa bệnh BHYT là 35.996/38.161 lượt người, đạt 94,33%.

- Mô hình khám, chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, Kiosk tự phục vụ 11/15 cơ sở khám chữa bệnh đồng ý ký kết hợp đồng triển khai miễn phí giải pháp Kiosk thông minh với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Điện Biên (HD Bank Điện Biên), trong đó: đã có 07 đơn vị đã nhận được Kiosk và đưa vào triển khai hoạt động. Kết quả đã có trên 16.000 lượt khám; 4 đơn vị đã ký kết hợp đồng và đang nhận bàn giao Kiosk trong giai đoạn 2. Còn 04 đơn vị vẫn đang tiến hành thống nhất các nội dung trong hợp đồng cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của từng đơn vị để triển khai thực hiện.

- Kết quả chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội là: 37.842 đối tượng.

f) Triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID

- Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID cho ngành Y tế Điện Biên theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Kết quả đã tạo lập được 447.383 hồ sơ Sổ sức khỏe điện tử đạt 67% (Số liệu tổng hợp trên công dữ liệu ngành y tế đảm bảo các trường dữ liệu đáp ứng theo Quyết định số 1332/QĐ-BYT của Bộ Y tế).

- Sở Y tế tiếp tục phối hợp với BHXH tỉnh đẩy dữ liệu các lượt khám bệnh, chữa bệnh lên công giám định bảo hiểm y tế để tích hợp lên ứng dụng VNeID.

g) Về triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử: 14/14 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giường bệnh nội trú (04 bệnh viện tuyến tỉnh, 10 Trung tâm y tế) đã triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử đạt tỉ lệ 100% và tiếp tục triển khai các bước tiếp theo sau khi đã công bố thành công bệnh án điện tử trên cổng thông tin của Bộ Y tế, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định về khám bệnh, chữa bệnh. Công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo mật và lưu trữ dữ liệu y tế. Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin y tế khi có hướng dẫn cụ thể.

11. Công tác bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội

11.1. Công tác Bảo trợ xã hội

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên cho 37.779 đối tượng trên địa bàn tỉnh, gồm đối tượng bảo trợ xã hội, hộ gia đình nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng, trẻ em được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội và đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND.

- Triển khai hiệu quả công tác trợ giúp xã hội đột xuất; tham mưu tiếp nhận, cấp phát 2.824.935 kg gạo cứu đói từ nguồn dự trữ quốc gia cho 19.565 hộ với 92.327 khẩu trong dịp Tết Nguyên đán và thời gian giáp hạt năm 2026.

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách 432 người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ năm 2026, trong đó có 71 người thọ 100 tuổi và 361 người thọ 90 tuổi; đề nghị Chủ tịch nước gửi thiệp chúc thọ đối với người cao tuổi thọ 100 tuổi.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Văn bản đưa 05 đối tượng người khuyết tật thân kinh, tâm thần đi điều trị, phục hồi chức năng tại Trung tâm điều dưỡng - Phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Sở Y tế phối hợp với Trung tâm II - Trực tiếp hỗ trợ trẻ khuyết tật thuộc Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam tổ chức Chương trình “Hành trình gieo mầm xanh hy vọng” hỗ trợ trẻ em khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Chương trình đã khám và phẫu thuật miễn phí cho 420 trẻ em tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh từ ngày 06 - 15/6/2026 (trong đó có 249 trẻ nhập viện, 204 trẻ đã được phẫu thuật và 05 trẻ đang chờ phẫu thuật).

11.2. Công tác Phòng, chống tệ nạn xã hội

Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán và phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026-2030; đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong ngành Y tế.

- Công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán: Tiếp nhận, hỗ trợ 01 nạn nhân bị mua bán từ Campuchia trở về; thực hiện hỗ trợ tâm lý, trợ giúp pháp lý và trợ cấp khó khăn ban đầu theo quy định. Đồng thời, chi trợ cấp khó khăn ban đầu cho 07 nạn nhân với kinh phí 24,15 triệu đồng; huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ khẩn cấp cho 22 nạn nhân với kinh phí 11 triệu đồng.

- Công tác phòng, chống mại dâm: Toàn tỉnh có 701 cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm, trong đó 409 cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra tệ nạn mại dâm. Trong 6 tháng đầu năm 2026, không phát hiện tụ điểm mại dâm, không phát sinh vụ án hình sự liên quan đến các tội phạm về mại dâm; tình hình tệ nạn mại dâm trên địa bàn cơ bản được kiểm soát, không có diễn biến phức tạp.

12. Công tác hợp tác quốc tế

- Thực hiện các nội dung đã ký kết về hợp tác y tế giữa tỉnh Điện Biên và 03 tỉnh Bắc Lào về: Đào tạo, khám chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh khu vực biên giới và công tác dược.

- Ký kết Bản ghi nhớ hợp tác phối hợp kiểm soát và phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trọng điểm qua biên giới giữa Sở Y tế các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Tuyên Quang, Điện Biên (Việt Nam) với Cục Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

- Ngành Y tế quản lý và thực hiện 06 dự án, trong đó:

+ 03 dự án ODA: Phòng chống HIV/AIDS; Phòng chống sốt rét, Bạo lực trẻ em tỉnh Điện Biên.

+ 03 dự án Phi chính phủ nước ngoài: Nghiên cứu mở rộng chương trình tư vấn giảm rượu bia để dự phòng HIV tại Việt Nam, thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng theo cụm; Thí điểm mua sắm dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS do các tổ chức xã hội cung cấp; Dự án An toàn và lành mạnh: Chấm dứt tình trạng mua bán người và bóc lột sức lao động tỉnh Điện Biên giai đoạn 2025-2028.

- Các Dự án đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện theo

quy định của nhà tài trợ.

13. Thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ngành

Ngành Y tế thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/9/2022. Ngày 27/6/2022, Sở Y tế ban hành Quyết định số 576/QĐ-SYT về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2026 cho các đơn vị trực thuộc, trong đó:

- Nhóm 2: Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: 01 đơn vị (Bệnh viện Đa khoa tỉnh).

- Nhóm 3: Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 15 đơn vị:

+ Đơn vị tự đảm bảo từ 70% đến <100% chi thường xuyên: 01 đơn vị (Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng).

+ Đơn vị tự đảm bảo từ 30% đến <70% chi thường xuyên: 10 đơn vị (Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phổi và Các Trung tâm Y tế: Nậm Pồ, Tủa Chùa, Thanh An, Na Sang, Điện Biên Đông, Tuần Giáo, Mường Ảng, Mường Lay).

+ Đơn vị tự đảm bảo từ 10% đến <30% chi thường xuyên: 04 đơn vị (Trung tâm Y tế Điện Biên Phủ, Trung tâm Y tế Mường Nhé, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trường Cao đẳng Y tế).

- Nhóm 4: Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 04 đơn vị.

+ Đơn vị sự nghiệp công có mức tự đảm bảo <10% chi thường xuyên: 02 đơn vị (Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp y).

+ Đơn vị sự nghiệp công không có nguồn thu sự nghiệp, 02 đơn vị: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm; Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh.

- 100% đơn vị đã chủ động xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản Nhà nước nhằm quản lý, sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; nâng cao tinh thần trách nhiệm của viên chức trong việc sử dụng, quản lý tài sản, luôn đặt quyền lợi tập thể lên trên hết, có ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn tài sản chung và sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng quy định, đảm bảo tính công khai, dân chủ.

- Thực hiện công khai, minh bạch dự toán thu - chi ngân sách được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế. Đổi mới công tác quản lý nhằm nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ y tế. Chấp hành chế độ chính sách theo đúng quy định của Nhà nước.

14. Công tác kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tốt công tác thường trực tiếp công dân giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

15. Công tác giúp đỡ xã khó khăn (xã Mường Toong)

- Sở Y tế đã xây dựng và triển khai Kế hoạch giúp đỡ xã Mường Toong giai đoạn 2026-2030 theo Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh về phân công các sở, ban, ngành hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, ngành Y tế đã hỗ trợ triển khai mô hình trồng cây quế tại bản Huổi Pinh với kinh phí 100 triệu đồng từ nguồn vận động hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành, cung cấp khoảng 60.000 cây quế giống cho 13 hộ gia đình tham gia mô hình, góp phần tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, Sở Y tế trao quà của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên cho 50 trẻ em với 200.000/trẻ em tổng kinh phí là 10.000.000 đồng.

- Kết nối, vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ địa phương. Trong kỳ, Nhóm Từ thiện Hợp Thành (Hải Phòng) tài trợ quạt treo tường và phản ngửi cho Trường Mầm non Mường Toong với tổng trị giá 70 triệu đồng; Nhóm Ong Chăm Hà Nội hỗ trợ 640 áo ấm cho học sinh Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú Tiểu học số 1 Mường Toong, trị giá 64 triệu đồng; Trường Mầm non VinSchool Green Bay Đại Mỗ (Hà Nội) hỗ trợ 09 téc nước dung tích 2.000 lít và 10 triệu đồng để mua vật liệu làm sân chơi cho Trường Mầm non Mường Toong, tổng trị giá 47,8 triệu đồng.

IV. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH Y TẾ

1. Thực hiện chính sách, cơ chế tài chính, giá dịch vụ y tế

Thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách như: khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, KCB người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chế độ phụ cấp đặc thù; chế độ phòng chống dịch... theo quy định đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2026

2.1. Thu dịch vụ và phí, lệ phí

- Kế hoạch ước thu từ nguồn DVKCB năm 2026: 708.756 triệu đồng (trong đó: Thu dịch vụ là 708.217 triệu đồng, thu từ nguồn phí, lệ phí 539 triệu đồng).

- Ước thực hiện thu 6 tháng đầu năm 2026: 325.571 triệu đồng, đạt 45,9% so với Kế hoạch (trong đó: Thu dịch vụ là 293.466 triệu đồng, đạt 41,4%, thu từ

nguồn phí, lệ phí 398 triệu đồng, đạt 73,8%).

2.2. Chi ngân sách nhà nước

- Tổng số giao dự toán năm 2026: 694.355 triệu đồng (trong đó: QLNN 14.503 triệu đồng, Sự nghiệp đào tạo 18.326 triệu đồng, Sự nghiệp y tế 621.127 triệu đồng, đảm bảo xã hội 40.399 triệu đồng).

- Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026: 301.629 triệu đồng, đạt 43,4% so dự toán giao (trong đó: QLNN 7.696 triệu đồng, đạt 53%, Sự nghiệp đào tạo 9.125 triệu đồng, đạt 49,7%, Sự nghiệp y tế 274.105 triệu đồng, đạt 44,1%, đảm bảo xã hội 10.568 triệu đồng, đạt 26,1%).

B. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác y tế năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026; giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp y tế năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

- Phối hợp với Hội chữ thập đỏ tỉnh tổ chức Chương trình hiến máu tình nguyện ngành Y tế năm 2026 với chủ đề "Hiến máu cứu người, hành động nhỏ, ý nghĩa lớn" thu hút gần 150 cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị y tế tuyến tỉnh đăng ký tham gia và đã tiếp nhận được 140 đơn vị máu.

- Kiểm tra, chỉ đạo hoạt động thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực y tế dự phòng tại Cửa khẩu quốc tế Tây Trang.

- Nhân dịp đón Xuân Bính Ngọ, Đoàn công tác Sở Y tế do đồng chí Phạm Giang Nam, Giám đốc Sở Y tế làm trưởng đoàn; đồng chí Mai Hoàng Hà, Phó Giám đốc Sở Y tế và lãnh đạo các Phòng chức năng Sở Y tế; lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã đến thăm hỏi, động viên, tặng quà và chúc tết các bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Kiểm tra công tác đảm bảo y tế phục vụ nhân dân dịp Tết Nguyên đán năm 2026 tại một số trạm y tế trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức Lễ Kỷ niệm 71 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam năm 2026 (27/02/1955-27/02/2026).

- Đảm bảo công tác y tế phục vụ Lễ hội Hoa Ban và Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch các dân tộc năm 2026.

- Làm việc với Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực y tế tại tỉnh Điện Biên.

- Tổ chức gặp mặt, động viên đoàn vận động viên ngành Y tế tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh Điện Biên lần thứ XII, năm 2026.

- Làm việc với Đoàn công tác của UNICEF Việt Nam do bà Silvia Danailov làm Trưởng đoàn về tình hình triển khai các hoạt động chăm sóc, bảo vệ và phát triển trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Làm việc với Đoàn công tác Viện Chiến lược và Chính sách Y tế, Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Y tế.

- Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến về Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc ngành Y tế;

- Tham gia Tổ liên ngành của Tỉnh thực hiện kiểm tra thực tế tại một số đơn vị Y tế cơ sở nhằm phục vụ xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trực thuộc ngành Y tế

- Phối hợp với Quỹ phát triển cộng đồng tổ chức khóa tập huấn “Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ cho người bị bạo lực trên cơ sở giới dành cho nhân viên y tế tại tỉnh Điện Biên”.

- Tổ chức lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2026 với chủ đề “Trẻ em hạnh phúc, an toàn, vững bước trong kỷ nguyên số”.

- Tổ chức Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế về quản lý, điều trị bệnh đái tháo đường và bệnh lý tuyến giáp.

- Phối hợp với Cục Phòng bệnh (Bộ Y tế) tổ chức Hội thảo về công tác giám sát, phòng chống bệnh do vi rút Ebola.

C. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

I. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về tổ chức Đảng

- Đảng bộ có nhiều loại hình tổ chức cơ sở đảng: Quản lý Nhà nước (02 đơn vị); sự nghiệp 21 (04 trung tâm; 04 bệnh viện; 01 cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp; 01 Trường; 01 chi bộ SOS, 10 Trung tâm Y tế).

- Số lượng tổ chức cơ sở đảng lớn (có 10 chi bộ và 13 Đảng bộ bộ phận, 66 chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận), khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ Sở Y tế.

- Việc sắp xếp, hợp nhất tổ chức bộ máy đã tăng thêm nhiệm vụ, tăng thêm số lượng đảng viên trong toàn đảng bộ. Không được bố trí cán bộ chuyên trách công tác Đảng; công chức phải làm nhiệm vụ kiêm nhiệm trong khi khối lượng công việc chuyên môn lớn, biên chế thiếu.

2. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

2.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy

- Đối với việc chuyển Trạm Y tế xã, phường về UBND cấp xã quản lý: Hiện nay Bộ Y tế chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với Trạm Y tế xã, phường sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ Y tế được xây dựng trên cơ sở mô hình tổ chức cũ nên không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Do đó, ngành Y tế chưa có cơ sở xác định số lượng người làm việc tại Trạm Y tế xã, phường để tham mưu cấp có thẩm quyền điều chuyển, bố trí nhân lực phù hợp.

- Đối với việc sắp xếp tổ chức bộ máy Trung tâm Y tế và định hướng đổi

tên Trung tâm Y tế thành Bệnh viện Đa khoa khu vực: Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế hiện vẫn thực hiện theo Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ Y tế, trong đó vẫn duy trì các nhiệm vụ về y tế dự phòng và các khoa, phòng thuộc hệ y tế dự phòng. Trong khi đó, theo Thông tư hợp nhất số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026 của Bộ Y tế, Trạm Y tế xã, phường cũng được giao thực hiện các nhiệm vụ về y tế dự phòng. Tuy nhiên, Bộ Y tế chưa sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 32/2024/TT-BYT nên địa phương chưa có cơ sở pháp lý để chuyển giao nhiệm vụ y tế dự phòng về tuyến xã và sắp xếp lại tổ chức bộ máy Trung tâm Y tế theo mô hình bệnh viện đa khoa khu vực.

2.2. Khó khăn về nguồn nhân lực y tế

- Theo định mức quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT, tổng số lượng người làm việc cần thiết tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế là 3.473 người. Trong khi đó, số lượng người làm việc được giao năm 2026 là 3.300 người, còn thiếu 173 người so với định mức.

- Đến ngày 10/6/2026, toàn ngành có 3.096 người làm việc, còn thiếu 204 người so với chỉ tiêu được giao. Việc tuyển dụng nhân lực y tế gặp rất nhiều khó khăn do thiếu nguồn tuyển, đặc biệt đối với các chuyên ngành bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh và các chuyên ngành kỹ thuật y tế khác. Tình trạng thiếu nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến việc bố trí, sắp xếp cán bộ và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại các đơn vị.

2.3. Chế độ, chính sách đối với viên chức y tế

- Tiền lương, phụ cấp và các chế độ đãi ngộ đối với viên chức y tế hiện nay chưa tương xứng với yêu cầu công việc và tính chất đặc thù của ngành. Mặc dù Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội đã quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với viên chức y tế cơ sở và y tế dự phòng, nhưng đến nay chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Thu nhập của viên chức y tế còn thấp, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, gây khó khăn trong việc thu hút và giữ chân nhân lực. Từ tháng 01/2026 đến nay, toàn ngành đã có 10 viên chức xin thôi việc theo nguyện vọng, ảnh hưởng đến việc bảo đảm nguồn nhân lực tại một số đơn vị.

3. Về cơ sở vật chất, thiết bị và phương tiện hoạt động

3.1. Về cơ sở vật chất

- Tuyển tỉnh còn 01 đơn vị (Bệnh viện Tâm thần) chưa được đầu tư cơ sở vật chất, hiện đang nhờ trụ sở của đơn vị khác để hoạt động.

- Trụ sở của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng.

- Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh giai đoạn 2021-2025 được đầu tư Hạng mục Nhà kỹ thuật cao 7 tầng, tuy nhiên mới chỉ bố trí vốn để xây dựng được 01 tầng hầm và một đơn nguyên 02 tầng nổi, một đơn nguyên 3 tầng nổi đưa vào sử dụng; các tầng còn lại và các hạng mục phụ trợ chưa được đầu tư. Hiện chưa đáp ứng được cơ sở hạ tầng để đảm bảo được chỉ tiêu quy mô 670 giường được giao

(theo thiết kế 500 giường sau khi hoàn thành xây dựng Nhà kỹ thuật cao 7 tầng); đồng thời không đáp ứng được cơ sở hạ tầng để phát triển trở thành bệnh viện chuyên sâu đến năm 2030.

- Các Trạm Y tế xã hiện nay mới chỉ đảm bảo được cơ sở hạ tầng theo chức năng của Trạm Y tế trước khi sáp nhập chính quyền địa phương hai cấp; hiện chưa đáp ứng được cơ sở hạ tầng theo chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế hiện nay được Bộ Y tế quy định. 45/45 Trạm Y tế xã, phường toàn tỉnh không đủ điều kiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho nhân dân theo Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân do thiếu nhân lực bác sĩ chuyên khoa.

- Hệ thống thu gom và bể chứa nước thải của các bệnh viện, Trung tâm Y tế sau nhiều năm đưa vào sử dụng đã xuống cấp. Hệ thống lò đốt xử lý rác thải Y tế của nhiều đơn vị đã hỏng không sửa chữa được hoặc nguồn kinh phí sửa chữa lớn.

3.2. Về thiết bị y tế

- Hiện nay, thiết bị y tế tại các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế được đầu tư qua nhiều năm sử dụng hiện đã xuống cấp, hư hỏng và còn thiếu các thiết bị chuyên dụng, chuyên sâu và cơ bản đã lỗi thời không đáp ứng như các trang thiết bị hiện đại hiện nay để thực hiện công tác khám chữa bệnh theo mô hình chuyển đổi số.

- Tại các Trạm Y tế xã, phường, danh mục thiết bị chủ yếu là các thiết bị thông thường, đơn giản, chưa có phòng đủ điều kiện đặt thiết bị và chưa có thiết bị Y tế để thực hiện các kỹ thuật cận lâm sàng (xét nghiệm huyết học, xét nghiệm sinh hóa, xét nghiệm nước tiểu, chụp x quang tim phổi). Do đó, năng lực khám bệnh, chữa bệnh và theo dõi, quản lý sức khỏe người dân tại tuyến y tế cơ sở còn hạn chế, không đủ điều kiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân, chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng phạm vi hoạt động chuyên môn và triển khai khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo định hướng tăng cường năng lực cho tuyến xã trong giai đoạn hiện nay.

3.3. Phương tiện vận chuyển

- Toàn ngành hiện có 52 xe ô tô các loại, trong đó có 04 xe hỏng chờ thanh lý; khoảng 80% số xe được sản xuất từ năm 2010 trở về trước, thường xuyên hỏng hóc, chi phí sửa chữa lớn. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác cấp cứu, vận chuyển bệnh nhân và giám sát y tế tại địa bàn đồi núi hiểm trở, đặc biệt mùa mưa bão ở các xã vùng sâu. Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu tại các xã xa như Mường Nhé, Nà Hỳ, Tủa Chùa.

- Hiện nay, ngành Y tế chưa có phương tiện chuyên dụng để vận chuyển các trang thiết bị y tế như máy xét nghiệm, máy siêu âm, điện tim, X-quang di động đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, dẫn đến nhiều trở ngại cho

các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe khi tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân theo hình thức lưu động và tiêm vắc xin ngừa cơ hư hỏng thiết bị trong quá trình vận chuyển.

4. Về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin

4.1. Nguồn kinh phí dành cho ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành Y tế, dẫn đến nhiều khó khăn trong việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

4.2. Về triển khai bệnh án điện tử

- Hiện nay, Bộ Y tế chưa ban hành phần mềm quản lý bệnh viện thống nhất để triển khai đồng bộ trong toàn ngành; các cơ sở y tế phải chủ động lựa chọn giải pháp phần mềm phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

- Trên địa bàn tỉnh, mới có Bệnh viện Đa khoa tỉnh (đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 2 - tự bảo đảm chi thường xuyên) chủ động bố trí nguồn kinh phí từ nguồn thu của đơn vị để triển khai bệnh án điện tử.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 3 (tự bảo đảm một phần chi thường xuyên), do nguồn thu thấp, mức độ tự chủ tài chính còn hạn chế nên chưa có đủ nguồn lực để đầu tư hệ thống bệnh án điện tử; nguồn kinh phí trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hằng năm thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện nay chưa kết cấu chi phí ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế. Trong khi đó, chi phí đầu tư, vận hành và duy trì hệ thống bệnh án điện tử tương đối lớn, gây khó khăn cho các cơ sở y tế trong việc bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện.

4.3. Về triển khai hồ sơ sức khỏe Điện tử

- Chưa được cấp kinh phí để triển khai tạo lập EHR đúng, đủ các trường thông tin theo Quyết định 831/QĐ-BYT ngày 11/03/2017 của Bộ Y tế.

- Khó thu thập chính xác các trường thông tin.

- Dữ liệu khám chữa bệnh chưa được chuẩn hóa, làm sạch nên phân tán trên nhiều hệ thống (HIS, sổ giấy, phần mềm khác). Chưa liên thông Hồ sơ sức khỏe điện tử với các hệ thống khám chữa bệnh, bảo hiểm y tế khác, phải nhập thủ công.

- Chưa đồng bộ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an.

5. Về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

5.1. Thực hiện Đề án Bệnh viện vệ tinh

- Thiếu thiết bị y tế hiện đại và thiếu so với nhu cầu thực tế. Một số hoạt động quá công suất thường xuyên hỏng, việc sửa chữa khó khăn do xa trung tâm

bảo hành.

- Cơ sở hạ tầng các khoa, phòng đã xuống cấp, phòng bệnh chật hẹp. Hạ tầng công nghệ thông tin xuống cấp ảnh hưởng đến quá trình hội chẩn từ xa.

5.2. Việc thực hiện xã hội hóa y tế

Công tác xã hội hóa y tế còn nhiều khó khăn; nguồn lực đầu tư cho phát triển ngành chủ yếu vẫn phụ thuộc ngân sách nhà nước. Hoạt động liên doanh, liên kết, xã hội hóa các kỹ thuật cao còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân.

6. Về công tác rà soát, đối chiếu lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội được NSNN đóng

- Một số xã, phường còn chậm gửi hồ sơ, hồ sơ chưa đầy đủ, số liệu chưa chính xác và chưa cập nhật kịp thời các trường hợp tăng, giảm đối tượng.

- Công tác đối chiếu giữa địa phương và cơ quan BHXH cơ sở chưa chặt chẽ, số liệu còn chênh lệch, phải điều chỉnh nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ thẩm định hồ sơ và chuyển kinh phí đóng BHYT cho đối tượng.

7. Về công tác phòng chống mua bán người

Một số nạn nhân bị mua bán trở về không khai báo, không tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ do tâm lý e ngại, sợ kỳ thị hoặc bị trả thù, gây khó khăn cho công tác xác minh, hỗ trợ nạn nhân. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân còn thiếu hiểu biết pháp luật, dễ bị dụ dỗ, lôi kéo; nhiều trường hợp nghi là nạn nhân nhưng không đủ căn cứ xác định theo quy định nên chưa được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Mạng lưới y tế cơ sở vẫn còn một số bất cập về tổ chức, quản lý, phân bổ nhân lực và cơ cấu chức danh nghề nghiệp giữa các tuyến.

- Nguồn nhân lực y tế chất lượng cao còn thiếu, nhất là đội ngũ bác sĩ chuyên khoa sâu, cán bộ kỹ thuật chuyên ngành tại các đơn vị tuyến tỉnh, tuyến cơ sở.

- Năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý của một bộ phận cán bộ y tế và công tác bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; chất lượng nguồn nhân lực giữa các tuyến còn chưa đồng đều.

2. Công tác phòng, chống dịch

- Một số bệnh truyền nhiễm gây dịch vẫn diễn biến phức tạp, có nguy cơ gây dịch tại các khu vực vùng cao, biên giới như: ho gà, bệnh dại, bệnh bạch hầu, bệnh than, tiêu chảy, Lỵ, thủy đậu, sởi, cúm...

- Ở một số xã vùng sâu, vùng xa vẫn còn tình trạng tuyên truyền đạo trái pháp luật, một số hủ tục lạc hậu còn tồn tại, nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe còn hạn chế.

3. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và hoạt động chuyên môn

- Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe.
- + Đề người dân thay đổi nhận thức và hành vi trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe còn hạn chế.
- + Hầu hết cán bộ truyền thông làm việc kiêm nhiệm nên thụ động, thiếu kỹ năng, hiệu quả hoạt động chưa cao, nhân sự không ổn định.
- + Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng về phòng chống mua bán người, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về đã được triển khai nhưng chưa được thường xuyên và sâu rộng. Công tác tuyên truyền trên địa bàn các xã chủ yếu là lồng ghép.
- Công tác khám, chữa bệnh: Tại một số trạm y tế xã khu vực vùng cao, vùng sâu, vùng xa, trình độ chuyên môn, chất lượng công tác khám, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế vẫn còn hạn chế.
- Về công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số và Đề án 06.
- + Nhận thức của người dân đã được nâng lên, nhưng một bộ phận người dân vẫn quen dùng thẻ bảo hiểm y tế để khám, chữa bệnh mặc dù CCCD gắn chip và ứng dụng VNeID đã tích hợp dữ liệu bảo hiểm y tế.
- + Đa số người bệnh, người nhà người bệnh là người dân tộc thiểu số chưa có điện thoại thông minh, chưa có tài khoản ngân hàng, chưa biết sử dụng tài khoản ngân hàng, do đó việc triển khai thực hiện thu viện phí không dùng tiền mặt gặp rất nhiều khó khăn.
- + Một số đơn vị chưa tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số.
- + Việc triển khai lập Hồ sơ sức khỏe điện tử đã được chỉ đạo, triển khai đến các Trung tâm Y tế, tuy nhiên hiện chưa triển khai thực hiện được do chưa được tỉnh cấp kinh phí, trong khi nguồn thu dịch vụ KCB và nguồn thu hợp pháp khác của các đơn vị khám chữa bệnh hạn chế.

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương liên quan đến tổ chức bộ máy y tế sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp chưa được ban hành đầy đủ, đồng bộ; một số quy định hiện hành chưa còn phù hợp với mô hình tổ chức mới, gây khó khăn cho ngành Y tế trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí nhân lực.
- Nguồn nhân lực y tế còn thiếu, đặc biệt là bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh và nhân lực kỹ thuật chuyên sâu; tỉnh Điện Biên là địa bàn miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn nên việc thu hút và tuyển dụng nhân lực y tế chất lượng cao gặp nhiều trở ngại.

- Chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách đãi ngộ đối với viên chức y tế chưa thực sự tương xứng với đặc thù nghề nghiệp; một số chính sách mới đã được ban hành nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện, ảnh hưởng đến công tác thu hút, giữ chân và tạo động lực cho đội ngũ cán bộ y tế.

- Nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, hạ tầng công nghệ thông tin và xe cứu thương rất lớn, trong khi nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế; nhiều công trình, trang thiết bị đã được đầu tư từ lâu, xuống cấp theo thời gian nhưng chưa được bố trí kinh phí nâng cấp, thay thế.

- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện nay chưa tính đầy đủ các chi phí về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bệnh án điện tử và hồ sơ sức khỏe điện tử; nguồn thu của các cơ sở y tế còn hạn chế nên gặp khó khăn trong việc đầu tư và duy trì các hệ thống số.

- Địa bàn tỉnh rộng, giao thông còn nhiều khó khăn, dân cư phân tán, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, trình độ dân trí không đồng đều; một bộ phận người dân còn duy trì tập quán sinh hoạt lạc hậu, nhận thức về chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và sử dụng dịch vụ số còn hạn chế.

- Tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp; tỉnh có đường biên giới dài tiếp giáp với nước bạn Lào, nguy cơ xâm nhập và lây lan dịch bệnh luôn tiềm ẩn.

- Công tác xã hội hóa y tế còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế của địa phương còn hạn chế, sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chưa cao; việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển y tế còn thấp.

- Một số quy định, hướng dẫn của Trung ương về thanh toán bảo hiểm y tế, danh mục kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử và hoạt động y tế dự phòng chưa được ban hành hoặc còn bất cập, ảnh hưởng đến quá trình triển khai tại địa phương.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tham mưu, dự báo và tổ chức thực hiện ở một số đơn vị chưa thật sự chủ động; việc rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong một số lĩnh vực còn chậm.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều giữa các tuyến; năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý, kỹ năng truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, viên chức còn hạn chế.

- Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe chưa thực sự đổi mới về nội dung và hình thức; đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông chủ yếu kiêm nhiệm, thiếu tính chuyên nghiệp nên hiệu quả tuyên truyền chưa cao.

- Một số đơn vị chưa thực sự quyết liệt trong triển khai cải cách hành chính, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin; việc khai thác, sử dụng các phần mềm và dữ liệu số còn chưa hiệu quả.

- Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị và chính quyền địa

phương trong rà soát, cập nhật đối tượng bảo hiểm y tế, quản lý dữ liệu và triển khai một số nhiệm vụ chuyên môn chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ tại một số đơn vị chưa thường xuyên; việc khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra có nội dung còn chậm.

- Một bộ phận người dân còn tâm lý e ngại trong tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ xã hội, phòng chống mua bán người; công tác tuyên truyền, vận động ở cơ sở có lúc, có nơi chưa sâu rộng, chưa tạo được chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành vi.

Phần II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử, và đặc biệt là nâng cao y đức, chuyên môn.

2. Tăng cường điều tra, giám sát, phát hiện sớm, khoanh vùng, xử lý triệt để các bệnh truyền nhiễm gây dịch; kiện toàn đội cấp cứu lưu động phòng chống dịch, đáp ứng đủ thuốc, hóa chất, vật tư để chủ động đối phó với dịch bệnh khi có tình huống khẩn cấp. Không chểnh mảng các vụ dịch, hạn chế tỷ lệ mắc, tử vong, không để dịch lây lan ra trên diện rộng. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác đảm bảo An toàn thực phẩm, chủ động phòng chống ngộ độc thực phẩm.

3. Tiếp tục Kiện toàn hệ thống tổ chức theo quy định, đặc biệt là chuyên trạm y tế thuộc Sở Y tế về UBND các xã, phường quản lý sau khi có Quyết định của UBND tỉnh; Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, y đức và chủ động hội nhập quốc tế.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tổ chức thực hiện Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thực hiện tăng cường cán bộ tuyến tỉnh, các Trung tâm Y tế tăng cường cho Trạm Y tế các xã, phường để thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho Nhân dân theo kế hoạch số 4765/KH-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Điện Biên.

5. Tham mưu cho tỉnh chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp phối hợp với ngành y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, củng cố y tế cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động kết hợp quân - dân y trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe phù hợp với điều kiện thực tế của địa

phương. Nâng cao chất lượng các hoạt động y tế - dân số theo Nghị quyết 20, 21-NQ/TW, Quyết định số 89/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

6. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và thực hiện tốt Bộ Tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện; đảm bảo chế độ, chính sách cho khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT), người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách; tăng cường quản lý công tác khám, chữa bệnh BHYT, ngăn chặn lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho y tế cơ sở. Tăng cường chẩn đoán, điều trị từ xa (Telemedicine), gắn với đào tạo, chuyển giao kỹ thuật. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06; triển khai bệnh án điện tử theo chỉ đạo của Bộ Y tế; thực hiện nghiêm túc Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023, Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 và Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế. Triển khai quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội và các ngành chức năng tháo gỡ khó khăn trong thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT theo quy định. Tăng cường thanh tra, kiểm tra về kinh tế - xã hội, khám, chữa bệnh và khám, chữa bệnh BHYT tại các cơ sở y tế; kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân; giám sát hoạt động chuyên môn tại các cơ sở y tế công lập tuyến cơ sở; thường xuyên đôn đốc thực hiện các kết luận thanh tra. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

7. Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao, sinh phẩm cho công tác khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch và các hoạt động y tế trên địa bàn; đẩy mạnh hoạt động dược lâm sàng, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị. Tăng cường quản lý chất lượng thuốc, giá thuốc tại các cơ sở khám, chữa bệnh và hành nghề dược; quản lý tốt thuốc, vật tư, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế.

8. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số và Đề án 06, tăng tỷ lệ hồ sơ TTHC sử dụng dịch vụ công trực tuyến (một phần và toàn trình) tại các cơ sở y tế trong khám, chữa bệnh và quản lý các hoạt động y tế - dân số. Tăng cường kết nối, liên thông hệ thống thông tin khám, chữa bệnh BHYT. Nâng cao chất lượng thống kê, báo cáo và độ tin cậy của số liệu. Phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho toàn dân trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mỗi người dân có một hồ sơ sức khỏe điện tử. Triển khai hiệu quả Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; thực hiện nghiêm túc khám, chữa bệnh bằng thẻ căn cước công dân gắn chip và thanh toán dịch vụ y tế không dùng tiền mặt. Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, đặc biệt trên không gian mạng.

9. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội theo quy định; đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ các đối tượng yếu thế.

Triển khai hiệu quả công tác cứu trợ đột xuất, cứu đói dịp Tết và giáp hạt; thực hiện tốt chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật. Tăng cường hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về, phòng, chống mại dâm; chỉ đạo các cơ sở bảo trợ xã hội và Làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

10. Sử dụng ngân sách, tài sản đúng quy định, chống thất thoát; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, gắn với đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường quản lý các dự án đầu tư, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả các dự án ODA cho phát triển y tế. Đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân các dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở y tế từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, ngân sách trung ương và chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường xã hội hóa y tế để huy động nguồn lực xã hội trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

11. Tăng cường hợp tác quốc tế với ba tỉnh phía Bắc nước CHDCND Lào trong công tác đào tạo cán bộ, khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh; hợp tác với Cục Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) trong kiểm soát và phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trọng điểm qua biên giới; tiếp tục triển khai kế hoạch giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn theo phân công của UBND tỉnh; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong toàn ngành, nâng cao chất lượng các đề tài, công trình nghiên cứu để ứng dụng hiệu quả trong hoạt động của từng đơn vị, địa phương và ngành.

12. Tham mưu Trình UBND tỉnh ban hành: Đề án phát triển bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên đạt cấp chuyên sâu và phát triển chuyên khoa lão khoa trong bệnh viện Đa khoa tỉnh đến năm 2030; Đề án xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP). Kế hoạch hành động triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Phần III **KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Trong bối cảnh ngành Y tế đang triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, sắp xếp, kiện toàn hệ thống y tế cơ sở; đồng thời triển khai các nhiệm vụ mới theo tinh thần Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội và các quy định hướng dẫn của Bộ Y tế, ngành Y tế tỉnh đang đứng trước yêu cầu ngày càng cao về nâng cao năng lực hệ thống y tế, bảo đảm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chuyển đổi số và nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác y tế, dân số và phát triển trên địa

bàn tĩnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân, Sở Y tế kính đề nghị Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo, phối hợp, hỗ trợ thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh

1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực y tế

- Kính đề nghị Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; xác định đầu tư cho y tế là đầu tư cho phát triển, từ đó huy động sự tham gia, phối hợp của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về y tế và dân số trong giai đoạn mới.

- Trong quá trình triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và sắp xếp lại hệ thống y tế cơ sở, đề nghị Đảng ủy UBND tỉnh xem xét việc chuyển các Đảng bộ bộ phận thuộc Trung tâm Y tế về trực thuộc Đảng ủy các xã, phường quản lý. Việc kiện toàn tổ chức đảng theo mô hình mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng đến đội ngũ đảng viên, viên chức y tế tại cơ sở; đồng thời bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương và yêu cầu quản lý, điều hành trong giai đoạn hiện nay.

- Đề nghị tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, các địa phương tăng cường phối hợp với ngành Y tế trong việc tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV; Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời chỉ đạo các xã, phường quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trạm Y tế theo mô hình mới, bảo đảm duy trì tốt các hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, quản lý sức khỏe Nhân dân và thực hiện các chương trình, mục tiêu y tế tại địa phương.

- Hiện nay, nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng tăng, trong khi ngành Y tế phải triển khai nhiều nhiệm vụ mới như quản lý sức khỏe toàn dân, khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, chuyên đội số y tế và nâng cao chất lượng dịch vụ ngay tại tuyến cơ sở. Tuy nhiên, nguồn nhân lực y tế của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, chưa bảo đảm theo định mức quy định. Do đó, đề nghị UBND tỉnh quan tâm xem xét bổ sung số lượng người làm việc cho ngành Y tế theo lộ trình phù hợp, từng bước bảo đảm định mức nhân lực theo Thông tư số 03/2023/TT-BYT của Bộ Y tế, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là tại tuyến y tế cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

1.2. Về tăng cường đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và

đẩy mạnh chuyển đổi số y tế

- Để bảo đảm năng lực cấp cứu, vận chuyển người bệnh, nhất là tại địa bàn miền núi, giao thông đi lại khó khăn, đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để ngành Y tế từng bước mua sắm, thay thế các xe cứu thương đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, bảo đảm đáp ứng yêu cầu cấp cứu, vận chuyển người bệnh an toàn, kịp thời.

- Đối với hoạt động khám sức khỏe lưu động tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đề nghị UBND tỉnh quan tâm hỗ trợ phương tiện vận chuyển trang thiết bị y tế; bố trí nguồn kinh phí để bảo trì, sửa chữa, thay thế các trang thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng tại các cơ sở y tế, bảo đảm duy trì hoạt động chuyên môn, đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho Nhân dân theo chủ trương của Trung ương và của tỉnh.

- Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số ngành Y tế, xây dựng nền tảng dữ liệu sức khỏe đồng bộ, kết nối, liên thông phục vụ công tác quản lý, theo dõi và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân theo lộ trình chuyển đổi số ngành Y tế, với tổng nhu cầu kinh phí dự kiến là 14.439 triệu đồng.

- Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực y tế cơ sở theo tinh thần Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội, đặc biệt trong điều kiện các Trạm Y tế xã, phường được giao thêm nhiều nhiệm vụ trong quản lý sức khỏe Nhân dân, khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc miễn phí cho nhân dân, đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư trang thiết bị y tế cho 45 Trạm Y tế xã, phường, bao gồm: 45 hệ thống chụp X-quang kỹ thuật số, 42 phòng chụp bảo đảm điều kiện an toàn bức xạ, 45 máy xét nghiệm nước tiểu, 45 máy xét nghiệm huyết học tự động, 45 máy xét nghiệm sinh hóa cùng các trang thiết bị y tế thiết yếu khác đi kèm. Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến khoảng 160,185 tỷ đồng. Việc đầu tư đồng bộ trang thiết bị sẽ góp phần nâng cao năng lực chẩn đoán, phát hiện sớm bệnh tật, giảm tình trạng người dân phải chuyển tuyến, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng ngay tại tuyến cơ sở.

- Đối với nhiệm vụ triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh năm 2026 theo chủ trương của Trung ương và kế hoạch của tỉnh, hiện nay toàn tỉnh còn 44.986 người chưa tham gia bảo hiểm y tế. Đây là nhóm đối tượng cần được quan tâm bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám phát hiện sớm bệnh tật, góp phần nâng cao chất lượng dân số và giảm gánh nặng chi phí điều trị khi bệnh được phát hiện ở giai đoạn muộn. Theo tính toán, trường hợp thực hiện khám sức khỏe định kỳ với mức chi phí bình quân khoảng 350.000 đồng/người, tổng nhu cầu kinh phí khoảng **15,745 tỷ đồng**. Trường hợp thực hiện theo danh mục khám lâm sàng và cận lâm sàng theo giá dịch vụ quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của HĐND tỉnh, với chi phí khoảng 423.600 đồng/người, bao gồm khám lâm sàng, xét nghiệm công thức máu,

đường máu, chức năng gan, thận, xét nghiệm nước tiểu và chụp X-quang ngực, tổng nhu cầu kinh phí thực hiện khoảng **19,059 tỷ đồng**.

- Đề bảo đảm triển khai đầy đủ chủ trương chăm sóc sức khỏe toàn dân, không để nhóm người dân chưa tham gia bảo hiểm y tế gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, đề nghị UBND tỉnh quan tâm xem xét, cân đối và bố trí nguồn lực phù hợp để tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho nhóm đối tượng nêu trên; tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 4765/KH-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh, bảo đảm việc tổ chức khám sức khỏe được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

1.3. Về công tác bảo hiểm y tế và bảo đảm an sinh xã hội

Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương tăng cường phối hợp với ngành Y tế và cơ quan Bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế, bảo đảm quyền lợi cho người dân, nhất là các nhóm đối tượng thuộc diện ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng hoặc đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

2. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường

2.1. Sở Tài chính

Đề nghị Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí phù hợp theo khả năng ngân sách và quy định của pháp luật để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Y tế trong giai đoạn tới, tập trung vào một số nội dung sau:

- Tham mưu bố trí kinh phí triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân theo lộ trình chuyển đổi số ngành Y tế, với tổng nhu cầu kinh phí khoảng 14.439 triệu đồng.

- Tham mưu bố trí nguồn lực đầu tư, mua sắm trang thiết bị y tế cho 45 Trạm Y tế xã, phường, bao gồm hệ thống chụp X-quang kỹ thuật số, phòng chụp bảo đảm an toàn bức xạ, máy xét nghiệm nước tiểu, máy xét nghiệm huyết học tự động, máy xét nghiệm sinh hóa và các trang thiết bị thiết yếu khác phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khỏe Nhân dân, với tổng nhu cầu kinh phí khoảng 160,185 tỷ đồng.

- Tham mưu bố trí kinh phí triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí đối với 44.986 người chưa tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh. Theo phương án thực hiện theo danh mục khám lâm sàng và cận lâm sàng quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của HĐND tỉnh, tổng nhu cầu kinh phí khoảng 19,059 tỷ đồng.

- Tham mưu bố trí kinh phí để ngành Y tế từng bước mua sắm, thay thế xe cứu thương đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng; hỗ trợ phương tiện vận chuyển trang thiết bị phục vụ các đợt khám sức khỏe lưu động tại các xã vùng sâu, vùng

xa; bảo trì, sửa chữa, thay thế trang thiết bị y tế xuống cấp, hư hỏng tại các cơ sở y tế nhằm bảo đảm duy trì hoạt động chuyên môn và nâng cao năng lực y tế cơ sở.

2.2. Sở Nội vụ

- Đề nghị Sở Nội vụ phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy ngành Y tế sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp; nghiên cứu, tham mưu phương án bố trí, bổ sung số lượng người làm việc phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế, từng bước bảo đảm định mức nhân lực theo quy định của Bộ Y tế.

- Đồng thời, hướng dẫn các đơn vị y tế trong việc xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nghiên cứu tham mưu các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, giữ chân đội ngũ nhân lực y tế, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao và nhân lực công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2.3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường phối hợp với Sở Y tế triển khai hiệu quả công tác y tế trường học; chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe học sinh, xác định công tác y tế trường học và bảo đảm an toàn thực phẩm trong nhà trường là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục kiện toàn Ban Chăm sóc sức khỏe học sinh; bố trí đủ nhân viên y tế trường học theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc cho học sinh theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học, quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh, tăng cường phát hiện sớm và quản lý các bệnh học đường, bệnh không lây nhiễm, các vấn đề về dinh dưỡng, sức khỏe tâm thần và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của học sinh; phối hợp với cơ sở y tế trong quản lý sức khỏe học sinh sau khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường có tổ chức bếp ăn tập thể, bếp ăn bán trú, nội trú và các trường liên cấp có số lượng học sinh lớn. Chỉ đạo các nhà trường thực hiện nghiêm các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm, lựa chọn đơn vị cung cấp thực phẩm bảo đảm điều kiện theo quy định; thực hiện nghiêm chế độ kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn; bảo đảm điều kiện vệ sinh trong quá trình sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển và phục vụ suất ăn cho học sinh.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường công tác vệ sinh môi trường, bảo đảm cung cấp đủ nước sạch, đủ nhà vệ sinh đạt yêu cầu, vệ sinh cá nhân trong trường học; chủ động giám sát, phát hiện sớm và phối hợp xử lý kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm, không để dịch bệnh lây lan trong trường học.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, sức khỏe tâm thần và xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh. Đối với các trường liên cấp, trường có quy mô học sinh lớn, có tổ chức bán trú, nội trú, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất; chỉ đạo xây dựng phương án phòng ngừa, xử lý các tình huống ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích, dịch bệnh và các sự cố ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh; kịp thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm theo quy định.

2.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục tăng cường phối hợp với ngành Y tế trong công tác quản lý chất lượng môi trường, nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, giám sát các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; kiểm soát các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, lâm, thủy sản.

- Phối hợp với các cơ sở y tế trong công tác xử lý chất thải y tế, phòng, chống dịch bệnh, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và các yếu tố môi trường tác động đến sức khỏe cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường sống và nâng cao chất lượng sức khỏe Nhân dân.

2.5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và chính quyền địa phương trong việc mở rộng độ bao phủ bảo hiểm y tế, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; phối hợp quản lý chặt chẽ dữ liệu đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội với chính quyền địa phương và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các cơ sở tăng cường phối hợp với UBND các xã, phường trong việc rà soát, đối chiếu, cập nhật và thống nhất thông tin đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; thực hiện xác nhận kịp thời biên bản xác định đối tượng và kinh phí ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế hằng quý để các xã, phường hoàn thiện hồ sơ, gửi Sở Y tế thực hiện chuyển kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại điểm r khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 51/2024/QH15.

- Tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho chính quyền cấp xã trong việc lập danh sách, báo tăng, báo giảm và xử lý các trường hợp biến động đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, bảo đảm dữ liệu giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội và chính quyền địa phương được cập nhật đầy đủ, thống nhất, hạn chế tình trạng sai lệch thông tin ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan hỗ trợ phát triển hạ tầng số,

nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; hỗ trợ triển khai hiệu quả Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, khám bệnh, chữa bệnh từ xa và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2.8. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, hệ thống phân phối, chợ, siêu thị và trung tâm thương mại; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng lưu thông trên thị trường; tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

2.9. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Tiếp tục phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan triển khai hiệu quả các chương trình, dự án chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; thực hiện tốt các chính sách về dân số và phát triển, góp phần thu hẹp khoảng cách về tiếp cận dịch vụ y tế và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe giữa các vùng, các nhóm dân cư.

2.10. Công an tỉnh

Tiếp tục phối hợp với ngành Y tế bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho người bệnh, thân nhân người bệnh và nhân viên y tế tại các cơ sở y tế; tăng cường phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, HIV/AIDS; phối hợp bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu trong quá trình xây dựng, quản lý và khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu y tế.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế 6 tháng đầu năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng chức năng, Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Giang Nam

Phụ lục
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SYT ngày /6/2026 của Sở Y tế)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Ước TH 6T.2026	Thực hiện 6T.2025	So với KH	So với cùng kỳ
A	Chỉ tiêu hoạt động:						
1	Tỷ lệ TE<1 tuổi TCĐĐ các loại Vắc xin	%	95,0	48,0	43,8	50,5	4,2
2	Tỷ lệ PN đẻ được khám thai 4 lần/3 kỳ thai nghén (TT37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019, hiệu lực từ 01/4/2020)	%	83,14	80,6	79,0	96,9	1,5
	<i>Tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ thai nghén</i>	%	82,8	80,4	78,9	97,1	1,5
3	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng UV2+	%	94,2	46,4	37,2	49,2	9,2
4	Tỷ lệ PNCT được tư vấn và kiểm tra HIV	%	95,2	42,4	60,4	44,5	-18,1
5	Tỷ lệ PNCT nhiễm HIV nhận được thuốc ARV/số PNMT nhiễm HIV toàn tỉnh	%	100	100	100	100,0	0,0
6	Tỷ suất tử vong TE dưới 1 tuổi	‰	17,49	14,2	15,5	81,3	-1,3
	<i>Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi trên 1000 trẻ DTTS đẻ sống</i>	‰	18,87	15,1	16,5	80,3	-1,4
7	Tỷ suất tử vong TE dưới 5 tuổi	‰	20,5	17,7	20,1	86,2	-2,5
	<i>Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi trên 1000 trẻ DTTS đẻ sống</i>	‰	22,13	18,8	21,5	85,1	-2,7
8	Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	BM	36,44	0,00	92,4	0,0	-92,4
	<i>Tỷ số tử vong người mẹ DTTS/100.000 trẻ người DTTS đẻ sống</i>	BM	39,52	0,00	99,5	0,0	-99,5
9	Tỷ lệ trẻ sơ sinh dưới 2500 gr	%	3,24	3,6	4,6	110,2	-1,0
13	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ DTTS được cán bộ y tế có kỹ năng đỡ	%	70,6	77,5	73,4	109,7	4,1
14	Tỷ lệ dân số dùng muối Iốt và các chế phẩm chứa I ốt	%	100	100	100	100,0	0,0
16	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	%	74,6	75,7	73,8	101,6	1,9
	<i>Tỷ lệ hộ gia đình DTTS sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh</i>	%	68,8	69,5	67,8	101,1	1,8
17	Tỷ lệ mắc một số bệnh xã hội/dân số:						0,0
17.1	Uốn ván	1/100.000	0,45	0,30	0,30	66,6	0,0
17.2	Sốt rét	1/1000	0,003	0	0	0,0	0,0
	Tỷ lệ người DTTS mắc sốt rét/1000 dân DTTS	1/1000	0,004	0	0	0,0	0,0
17.3	Tỷ lệ Lao các thể mới được phát hiện trong năm	1/100.000	22,76	13,10	13,19	57,6	-0,1
	Tỷ lệ mắc lao trong cộng đồng	1/100.000	45,52	35,90	38,37	78,9	-2,5
	Tỷ lệ người DTTS mắc lao/100.000 dân DTTS	1/100.000	34,82	32,20	35,02	92,5	-2,8

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Ước TH 6T.2026	Thực hiện 6T.2025	So với KH	So với cùng kỳ
17.4	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS còn sống	%	0,51	0,51	0,51	100,0	0,0
	Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm dân số DTTS 15-24 tuổi	%	0,12	0,127	0,104	105,9	0,0
17.5	Phong (BN phong mới phát hiện)	1/100.000	0,3	0	0	0,0	0,0
	Phong lưu hành	1/100.000	0,3	0	0	0,0	0,0
17.6	Tâm thần	1/100.000	328,3	316,9	315,2	96,5	1,7
17.7	Ngộ độc thực phẩm	1/100.000	<6	0	-	-	0,0
B	Tổng số giường bệnh toàn tỉnh	Giường	2.639	2.639	2.527	100,0	4,4
	<i>Trong đó: Giường Quốc lập</i>	Giường	2.252	2.252	2.140	100,0	5,2
	<i>Tỷ lệ giường bệnh Quốc lập / vạn dân</i>	1/10.000	33,23	33,23	32,1	100,0	1,2
*	Giường bệnh tuyến tỉnh:	Giường	880	880	880	100,0	0,0
*	Giường bệnh tại TTYT	Giường	1.372	1.372	1260	100,0	8,9
	Giường bệnh trạm y tế xã (3 giường lưu/trạm)	Giường	387	387	387	100,0	0,0
E	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình						
2	Kế hoạch hóa gia đình:						
	Tỷ lệ các cặp vợ chồng thực hiện các BPTT	%	69,7	66,4	66,2	95,3	0,2
	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) đang sử dụng BPTT hiện đại	%	47,8	42,1	42,0	88,1	0,1
F	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	%	98	96,0	96,0	98	-
I	Bổ sung mới các chỉ tiêu về phòng chống HIV/AIDS:						
1	Tỷ lệ người nhiễm HIV có nhu cầu điều trị bằng thuốc ARV tiếp cận được thuốc ARV	%	94,7	92,5	85,7	97,7	6,8
2	Giảm tỷ lệ nhiễm HIV của trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV	%	≤ 2	0	0		-
3	Số người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị thay thế bằng thuốc Methadone	Người	3.480	1.966	2.452	56,5	-19,8
G	Bổ sung một số chỉ số liên quan đến PTTTĐ từ năm 2019:						
1	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm sởi - rubella	%	95	49,0	50,8	51,5	-1,8
2	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm DPT mũi 4	%	95	49,4	61,0	52,0	-11,6
3	Tỷ lệ trẻ 1 - 5 tuổi tiêm viêm não 2 mũi cơ bản	%	95	47,8	42,1	50,4	5,8
4	Tỷ lệ trẻ 2 - 5 tuổi tiêm viêm não mũi 3	%	95	48,0	42,6	50,5	5,4
5	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế	%	71,4	70,9	68,7	99,3	2,2
6	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được nhân viên y tế chăm sóc tuần đầu sau sinh	%	83,9	75,7	76,9	90,3	-1,2
H	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	65	67,0	3,2	103,1	63,8